

**BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG, GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ**  
**REPORT ON CHANGE OF NET ASSET VALUE, TRADING OF FUND CERTIFICATE**

*Từ ngày 10 tháng 12 đến ngày 16 tháng 12 năm 2018/From 10th Dec to 16th Dec 2018*

**Tên Công ty quản lý quỹ:**  
Fund Management Company:  
**Tên ngân hàng giám sát:**  
Supervising bank:

**Công ty TNHH Quản lý Quỹ Kỹ Thương**  
Techcom Capital Management Company Limited

**Tên Quỹ:**  
Fund name:  
**Ngày lập báo cáo:**  
Reporting Date:

**Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- CN Hà Thành**  
**Bank for Investment and Development of Vietnam Jsc - Hathanh Branch**  
**Quỹ đầu tư Trái Phiếu linh hoạt Techcom**  
Techcom Flexi Bond Fund  
**12/17/2018**  
**12/17/2018**

STT No	Nội dung Item	Mã số Code	Kỳ báo cáo This period 16/12/2018	Kỳ trước Last period 09/12/2018
I	<b>I. Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở (NAV) đầu kỳ</b> <b>Net Asset Value (NAV) at the beginning of period</b>	4060	50,081,728,878	50,100,000,000
II	<b>II. Thay đổi NAV so với kỳ trước (= II.1 + II.2), trong đó:</b> <b>Change of NAV during the period (= II.1 + II.2), of which:</b>	4061	45,869,648	(18,271,122)
II.1	II.1 Thay đổi NAV do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của Quỹ mở trong kỳ Changes of NAV due to market fluctuation and the fund's investment during the period	4062	45,869,648	(18,271,122)
II.2	II.2 Thay đổi NAV do phân chia Lợi nhuận/Tài sản của Quỹ mở cho Nhà đầu tư trong kỳ Change of NAV due to profit distribution to investors during the period	4063		
III	<b>III. Thay đổi NAV do mua lại, phát hành thêm Chứng chỉ quỹ (= III.1 + III.2)</b> <b>Change of NAV due to redemption, subscription of Fund Certificate (= III.1 + III.2)</b>	4064		
III.1	III.1 Khoản thu từ việc phát hành bổ sung Chứng chỉ quỹ Increase from Subscription of Fund Certificate	4065		
III.2	III.2 Khoản thanh toán từ việc mua lại Chứng chỉ quỹ Decrease from Redemption of Fund Certificate	4066		
IV	<b>IV. Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở cuối kỳ (= I + II + III)</b> <b>NAV at the end of period (= I + II + III)</b>	4067	50,127,598,526	50,081,728,878

**Đại diện có thẩm quyền của Ngân hàng giám sát**  
*Authorised Representative of Supervisory Bank*

**Đại diện có thẩm quyền của Công ty quản lý Quỹ**  
*Authorised Representative of Fund Management Company*

**Công ty TNHH Quản lý Quỹ Kỹ Thương**